TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **33**/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 28/11/2019.
"V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhã Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Hằng và ông Y Nik Êban.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Y Kăn Niê - Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa:* Ông Dương Minh Xuân - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28/11/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk. Toà án nhân dân huyện EaKar mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 183/2019/TLST - HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2019. Về việc "*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐST – HNGĐ, ngày 23 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2019/QĐST – HNGĐ, ngày 12 tháng 11 năm 2019. Giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L,** sinh năm: 1976.
Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện K, tỉnh ĐắkLắk. *(Có mặt)*
* Bị đơn: Ông **Phạm Duy N,** sinh năm: 1971.
Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện K, tỉnh ĐắkLắk. *(Có mặt)*

NHẬN THẤY

Nội dung vụ án như sau:

Theo lời khai của bà Nguyễn Thị L, bà L chung sống như vợ chồng với ông Phạm Duy N vào năm 1995, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Tuy nhiên, vợ chồng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng sống không hợp tính tình, thường xuyên cải vã xúc phạm, bất đồng quan điểm sống, ông Phạm Duy N không chăm lo làm ăn, chỉ lo ăn chơi gái gú, dẫn đến bể nợ, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt rồi xa lánh dần nên đến tháng 05/1998, hai vợ chồng quyết định sống ly thân. Đến tháng 12/1998 hai vợ chồng ngồi lại với nhau, nghĩ về con cái, cố gắng hàn gắn lại để sống cho các con có cha, có mẹ nên hai vợ chồng về lại đoàn tụ. Từ

đó đến nay ông N vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi nên hai vợ chồng mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng hơn. Tuy sống cùng nhà nhưng hai vợ chồng không hề quan tâm hay chăm sóc nhau.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Nên bà L có nguyện vọng xin Tòa án xem xét giải quyết không công nhận quan hệ là vợ chồng giữa bà với ông Phạm Duy N.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, là Phạm Ngọc T, sinh ngày 17/04/1996 và Phạm Ngọc Th, sinh ngày 10/10/2005. Bà L có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Phạm Ngọc Th cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông Phạm Duy N phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Còn đối với cháu Phạm Ngọc T đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Vợ chồng chúng tôi tự thỏa thuận phân nên không yêu cầu Toà án đề cập giải quyết.

Ngày 12/11/2019, Tòa án nhân dân huyện EaKar mở phiên tòa xét xử vụ án, tuy nhiên tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Duy N vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ông Phạm Duy N xác định quá trình hôn nhân và con chung mà bà Lan trình bày là hoàn toàn đúng, nhưng về tình cảm vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ vì bà L ghen tuông nên đề nghị Hội đồng xét xử giai quyết cho vợ chồng về đoàn tụ.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết không công nhận quan hệ là vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Duy N. Bà Lan có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Phạm Ngọc Th cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông Phạm Duy N phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và HĐXX đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục theo quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 9, Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

+ Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Duy N.

+ Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Phạm Ngọc Th, sinh ngày 10/10/2005 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Ngọc trợ cấp nuôi con chung

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sư không yêu cầu giải quyết.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và ý kiến của đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đề ngày 02/5/2019, Tòa án nhân dân huyện EaKar xác định quan hệ pháp luật là *"Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con"*, được quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện EaKar thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] *Về nội dung*: Bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Duy N chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1995, trên cơ sở tự nguyện, có làm lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy đinh của Luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch nên không phải là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi về chung sống vợ chồng không hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không thể kéo dài. Mặc khác, qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định ông N, bà L đang sinh sống tại địa phương. Thời gian gần đây ông N, bà L thường hay xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc vợ chồng chửi bới và xúc phạm nhau, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng, ghen tuông nên cuộc sống không hòa hợp, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài cho đến nay. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Duy N là vợ chồng.

Về con chung: Bà L và ông N có 02 con chung, là Phạm Ngọc T, sinh ngày 17/04/1996 và Phạm Ngọc Th, sinh ngày 10/10/2005, quá trình giải quyết Tòa án tiến hành lấy lời khai, cháu Th có nguyện vọng ở với mẹ là bà Nguyễn Thị L. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của cháu, cháu Th hiện chưa thành niên, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giao cháu Phạm Ngọc Th cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp.

Đối với cháu Phạm Ngọc T, sinh ngày 17/04/1996, hiện nay đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về trợ cấp nuôi dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[3] *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 203, và Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Duy N là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung là Phạm Ngọc Th, sinh ngày 10/10/2005 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Đối với cháu Phạm Ngọc T, sinh ngày 17/04/1996, hiện nay đã thành niên, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Ông Phạm Duy N được quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được cản trở. Tuy nhiên, ông N không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

- Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đề cập giải quyết.

- **Về án phí**: Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Kar, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0013038, ngày 14/5/2019.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn ông Phạm Duy N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Nhã Phương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- UBND xã H, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.